

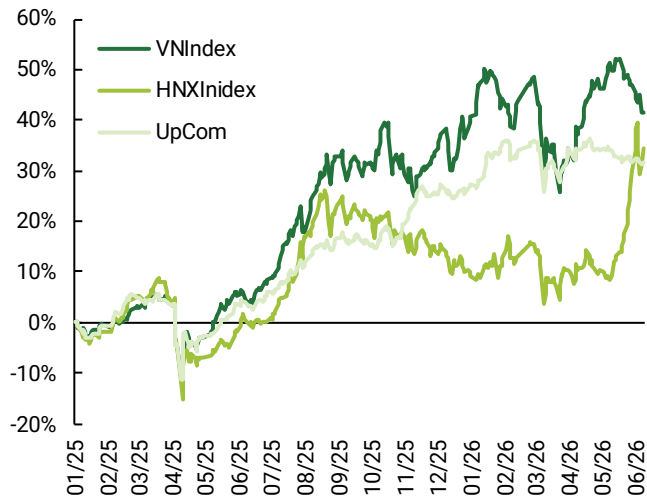
**VN-Index** **1793.05 (0.14%)**  
575 Tr. cổ phiếu 13817.3 Tỷ VND (-27.59%)

**HNX-Index** **305.74 (2.47%)**  
47 Tr. cổ phiếu 797.7 Tỷ VND (-20.37%)

**UPCOM-Index** **125.13 (0.32%)**  
23 Tr. cổ phiếu 474.0 Tỷ VND (3.37%)

**VN30F1M** **1950.50 (0.70%)**  
186,066 HD OI: 38,619 HD

### % Hiệu suất từ đầu năm (YTD) các chỉ số



### NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

- **Diễn biến:** Chỉ số VNIndex đóng cửa phiên tại 1793.0, tăng +2.5 điểm (+0.14%). Thanh khoản giảm với độ rộng thị trường nghiêng về bên mua. Sắc xanh cũng ghi nhận ở VN30, HNXIndex.
- **Điểm nhấn trong phiên:** Sắc xanh trở lại với mặt bằng cổ phiếu, song, thanh khoản tiếp tục sụt giảm về mức thấp, hàm ý lực cầu mua lên vẫn thận trọng. Nhóm ngành và cổ phiếu biến động tích cực trong phiên: Ngân hàng: STB (+3.1%), ACB (+5.0%) | Thực phẩm và đồ uống: MSN (+2.3%), VHC (+3.1%) | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp: TV2 (+1.4%), GEE (+1.8%) | Dịch vụ tài chính: VND (+2.7%), OGC (+2.7%). Diễn biến yếu trong phiên: Bất động sản: NVL (-4.3%), VRE (-1.7%), VIC (-0.9%) | Điện, nước & xăng dầu khí đốt: GAS (-1.8%), GEG (-1.4%) | Dầu khí: PLX (-2.9%), BSR (-1.9%) | Hóa chất: DPM (-2.0%), DCM (-0.8%), DGC (-0.7%).

Tác động chỉ số: Chiều tăng | ACB, STB, MSN, VPB, HPG - Chiều giảm | VIC, GAS, VHM, BSR, PLX

Khối ngoại Bán ròng hơn 800 tỷ, tập trung nhiều ở FPT, TCB, MBB, trong khi mua ròng SSI, VNM, KDH.

### GÓC NHÌN KỸ THUẬT

- **VN-Index** kết phiên với mẫu hình nến Hammer nhưng thanh khoản duy trì mức thấp, chưa xác nhận cho động lực. Dòng tiền phân hóa vào các cổ phiếu riêng lẻ, thiếu vắng nhóm dẫn dắt rõ ràng. Về mặt kỹ thuật, các chỉ báo động lượng chưa ghi nhận nhiều cải thiện, khi RSI đã phá đáy gần cho thấy xung lực giảm chưa kết thúc. Bên cạnh đó, MACD cũng lùi về miền âm, xác nhận động lượng tăng suy yếu. Nếu thanh khoản không cải thiện trong các phiên tới, áp lực điều chỉnh có khả năng quay lại chi phối và mở rộng đà giảm về khu vực 1750 – 1760 điểm, nơi hỗ trợ kỹ thuật mới thực sự phát huy vai trò nâng đỡ tốt. Kháng cự gần trong chiều hồi phục hiện quanh ngưỡng 1820 điểm.
- **Đối với HNX-Index**, chỉ số bật tăng trở lại song thanh khoản chưa cải thiện tương xứng. Vận động đang chịu ảnh hưởng bởi biến động mạnh ở mã THD, rủi ro rung lắc hiện hữu nếu cổ phiếu này mất đà.
- **Chiến lược:** Duy trì tỷ trọng cổ phiếu ở mức trung bình và ưu tiên quan sát quá trình kiểm định vùng đáy gần. Trong bối cảnh dòng tiền chưa xác nhận rõ ràng, NĐT nên thận trọng trước các nhịp bật tăng kỹ thuật. Việc giải ngân chỉ nên cân nhắc khi xuất hiện tín hiệu cải thiện rõ nét về thanh khoản cũng như sức mạnh giá. Đối với NĐT có khẩu vị rủi ro cao, nên lựa chọn các cổ phiếu đã hoàn thiện mẫu hình tạo đáy và thu hút dòng tiền trở lại.

### CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Theo dõi GMD (Xem tiếp tại trang 7)

### Diễn biến thị trường từ đầu năm đến hiện tại

| Chỉ số                      | Giá đóng cửa | % Thay đổi |        |        | Giá trị giao dịch (Tỷ VND) | % Biến động giá trị giao dịch so với |                    |                     | Khối lượng giao dịch (Triệu CP) | % Biến động khối lượng giao dịch so với |                    |                     |
|-----------------------------|--------------|------------|--------|--------|----------------------------|--------------------------------------|--------------------|---------------------|---------------------------------|---|--------------------|---------------------|
|                             |              | (%) 1D     | (%) 1W | (%) 1M |                            | 01 phiên trước                       | Trung bình 01 tuần | Trung bình 01 tháng |                                 | 01 phiên trước                          | Trung bình 01 tuần | Trung bình 01 tháng |
| <b>Theo chỉ số</b>          |              |            |        |        |                            |                                      |                    |                     |                                 |   |                    |                     |
| VN-Index                    | 1,793.1      | 0.1%       | -1.8%  | -6.4%  | 13,817.3                   | -27.6%                               | -29.2%             | -50.9%              | 574.5                           | -25.7%                                  | -21.0%             | -39.2%              |
| HNX-Index                   | 305.7        | 2.5%       | -2.9%  | 24.0%  | 797.7                      | -20.4%                               | -19.9%             | -3.2%               | 47.1                            | -20.2%                                  | -23.4%             | -3.4%               |
| UPCOM-Index                 | 125.1        | 0.3%       | -0.7%  | -1.7%  | 474.0                      | 3.4%                                 | -15.1%             | -43.9%              | 22.9                            | 22.5%                                   | -9.5%              | -60.2%              |
| VN30                        | 1,951.9      | 0.8%       | -1.1%  | -5.9%  | 8,749.1                    | -22.4%                               | -28.8%             | -43.6%              | 282.0                           | -11.7%                                  | -18.2%             | -24.2%              |
| VNMID                       | 2,098.1      | 0.4%       | -0.8%  | -6.2%  | 3,994.1                    | -37.4%                               | -33.4%             | -64.7%              | 187.7                           | -39.8%                                  | -37.1%             | -62.5%              |
| VNSML                       | 1,338.0      | 0.1%       | -1.4%  | -4.5%  | 501.5                      | -35.2%                               | -29.4%             | -49.1%              | 40.8                            | -38.1%                                  | -39.0%             | -31.5%              |
| <b>Theo ngành (VNIndex)</b> |              |            |        |        |                            |                                      |                    |                     |                                 |   |                    |                     |
| Ngân hàng                   | 635.1        | 0.8%       | -0.33% | -2.1%  | 5,230.4                    | -4.2%                                | -4.3%              | -16.6%              | 230.5                           | -3.3%                                   | -3.5%              | -13.9%              |
| Bất động sản                | 910.0        | -0.7%      | -4.5%  | -12.4% | 1,865.2                    | -34.3%                               | -47.8%             | -55.3%              | 71.3                            | -33.7%                                  | -25.7%             | -39.5%              |
| Dịch vụ tài chính           | 299.2        | 0.4%       | -1.3%  | -5.1%  | 1,707.1                    | -43.5%                               | -21.2%             | -34.6%              | 81.1                            | -46.3%                                  | -21.3%             | -33.3%              |
| Công nghiệp                 | 268.2        | 0.5%       | -1.0%  | -10.5% | 738.9                      | -23.6%                               | -11.1%             | -40.6%              | 21.9                            | -21.6%                                  | -11.2%             | -37.0%              |
| Tài nguyên cơ bản           | 517.4        | 0.9%       | -0.9%  | -5.2%  | 494.2                      | -33.8%                               | -9.0%              | -36.6%              | 25.2                            | -33.1%                                  | -8.2%              | -30.2%              |
| Xây dựng - Vật Liệu         | 166.0        | 0.5%       | -0.6%  | -4.1%  | 387.1                      | -41.1%                               | -21.3%             | -60.6%              | 21.0                            | -43.6%                                  | -21.9%             | -56.7%              |
| Thực phẩm                   | 481.0        | 0.7%       | -8.5%  | -32.4% | 782.9                      | -58.6%                               | -34.4%             | -33.4%              | 18.4                            | -52.5%                                  | -29.4%             | -32.3%              |
| Bán Lẻ                      | 1,417.8      | 0.7%       | -1.0%  | -8.8%  | 423.9                      | -42.8%                               | -36.1%             | -43.1%              | 5.7                             | -47.0%                                  | -41.6%             | -45.4%              |
| Công nghệ                   | 402.3        | 1.0%       | -1.5%  | 3.4%   | 838.3                      | -18.5%                               | -29.3%             | -19.9%              | 12.1                            | -17.7%                                  | -27.0%             | -24.6%              |
| Hóa chất                    | 174.5        | -0.5%      | -3.4%  | -6.3%  | 339.5                      | -16.7%                               | 6.9%               | -37.0%              | 11.6                            | -10.9%                                  | 13.8%              | -23.9%              |
| Tiện ích                    | 761.6        | -0.6%      | 0.2%   | 5.0%   | 227.4                      | -36.4%                               | -20.2%             | -49.6%              | 11.0                            | -12.0%                                  | -0.4%              | -33.8%              |
| Dầu khí                     | 112.2        | -2.0%      | 2.2%   | 7.4%   | 289.3                      | -34.0%                               | -27.97%            | -65.2%              | 9.0                             | -32.4%                                  | -25.8%             | -64.4%              |
| Dược phẩm                   | 409.8        | 0.62%      | -0.9%  | -2.2%  | 21.0                       | -49.6%                               | -66.1%             | -72.0%              | 1.1                             | -72.9%                                  | -62.2%             | -69.9%              |
| Bảo hiểm                    | 106.4        | 1.2%       | -2.5%  | 2.5%   | 33.7                       | 24.5%                                | 20.9%              | -40.8%              | 0.6                             | -0.2%                                   | 7.6%               | -48.8%              |

Nguồn: FiinPro, PHS tổng hợp

### Diễn biến chỉ số chứng khoán của các thị trường trong khu vực và thị trường lớn trên Thế giới

| Chỉ số              | Thị trường  | Giá đóng cửa | % Thay đổi giá |        | Chỉ số định giá |      |
|---------------------|-------------|--------------|----------------|--------|-----------------|------|
|                     |             |              | 1 ngày         | YTD    | P/E             | P/B  |
| VN-Index            | Việt Nam    | 1,793.1      | 0.14%          | 0.5%   | 14.7x           | 2.0x |
| SET-Index           | Thái Lan    | 1,584        | 1.44%          | 25.8%  | 16.3x           | 1.4x |
| JCI-Index           | Indonesia   | 5,747        | 7.57%          | -33.5% | 12.8x           | 1.4x |
| FTSE Bursa Malaysia | Malaysia    | 12,452       | -0.15%         | 1.2%   | 15.4x           | 1.4x |
| PSEi Index          | Phillipines | 5,946        | 1.13%          | -1.8%  | 9.0x            | 1.2x |
| Shanghai Composite  | Trung Quốc  | 4,010        | 1.28%          | 1.0%   | 19.7x           | 1.5x |
| Hang Seng           | Hồng Kông   | 24,566       | -0.37%         | -4.2%  | 12.8x           | 1.3x |
| Nikkei 225          | Nhật Bản    | 65,417       | 2.17%          | 30.0%  | 23.6x           | 3.0x |
| S&P 500             | Mỹ          | 7,406        | 0.30%          | 8.2%   | 27.3x           | 5.6x |
| Dow Jones           | Mỹ          | 50,786       | -0.16%         | 5.7%   | 24.4x           | 5.9x |
| FTSE 100            | Anh         | 10,344       | -0.28%         | 4.2%   | 16.8x           | 2.3x |
| Euro Stoxx 50       | Châu Âu     | 6,121        | 0.96%          | 5.7%   | 17.3x           | 2.5x |
| DXY                 |             | 99.8         | -0.26%         | 1.5%   |                 |      |
| USDVND              |             | 26,334       | -0.02%         | 0.1%   |                 |      |

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú: Chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 lấy giá đóng cửa hôm trước

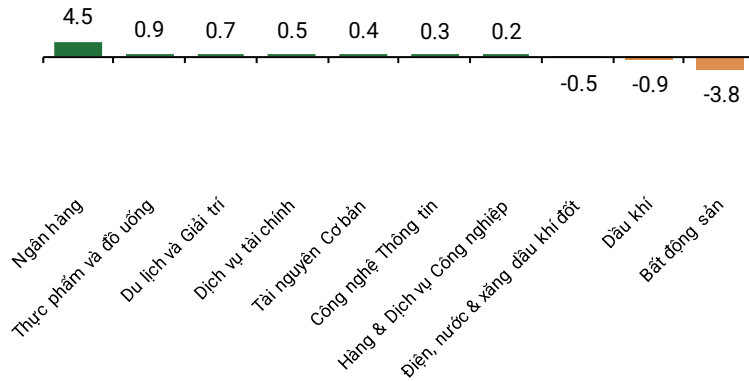
### Biến động giá/ chỉ số các loại hàng hóa toàn cầu

| Giá/ Chỉ số hàng hóa      | % Thay đổi giá |        |        |        |
|---------------------------|----------------|--------|--------|--------|
|                           | 1D             | 1M     | % YTD  | % YoY  |
| Dầu Brent                 | -1.62%         | -8.5%  | 52.4%  | 38.3%  |
| Dầu WTI                   | -2.11%         | -6.3%  | 55.6%  | 36.9%  |
| Khí gas                   | 1.1%           | 15.4%  | -13.7% | -12.5% |
| Than cốc (*)              | 0.0%           | 10.1%  | 13.9%  | 37.8%  |
| Thép HRC (*)              | -0.4%          | -2.9%  | 3.4%   | 5.2%   |
| PVC (*)                   | 0.0%           | -7.4%  | 3.1%   | -2.1%  |
| Phân Urea (*)             | -3.3%          | -32.6% | 25.8%  | 33.1%  |
| Cao su thiên nhiên        | 0.3%           | 2.2%   | 25.5%  | 39.8%  |
| Bông Cotton               | 0.3%           | -13.1% | 14.6%  | 11.6%  |
| Đường                     | -0.1%          | -4.0%  | -6.1%  | -15.4% |
| World Container Index     | 0.0%           | 50.2%  | 55.1%  | -2.7%  |
| Baltic Dirty tanker Index | -0.5%          | -18.5% | 59.1%  | 123.1% |
| Vàng                      | 0.11%          | -8.1%  | 0.4%   | 30.3%  |
| Bạc                       | 0.46%          | -14.7% | -4.4%  | 86.4%  |

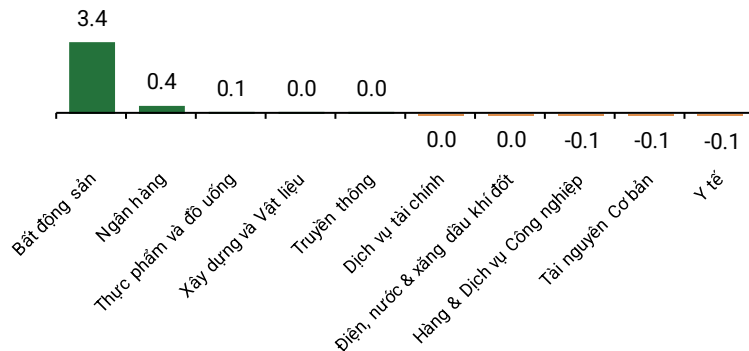
Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú (\*) Chỉ số giá tại thị trường Trung Quốc

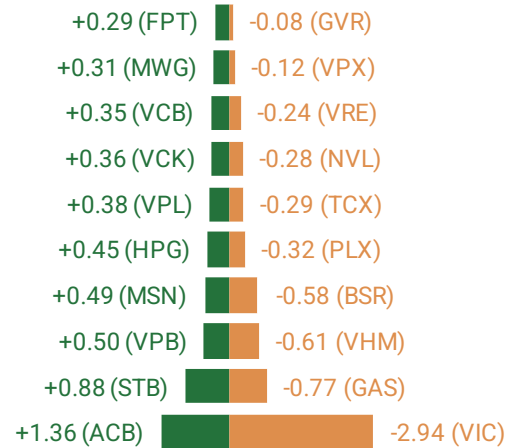
### TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



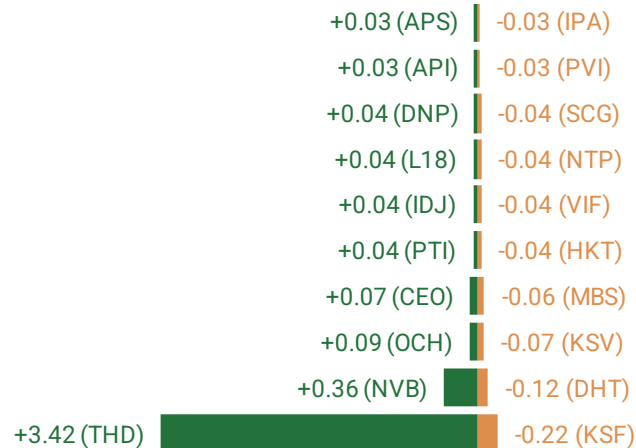
### TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



### TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX

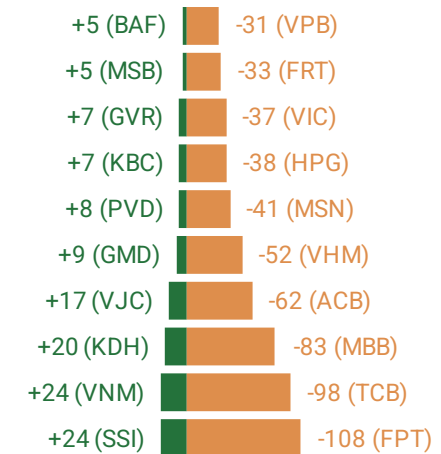


### TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX

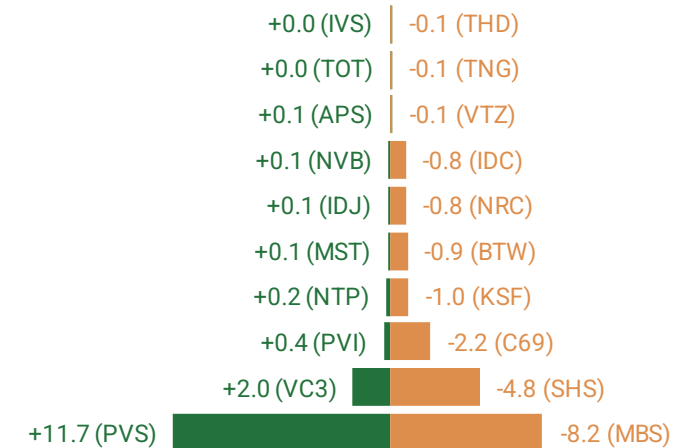


## BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

### TOP CỔ PHIẾU NĐTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - VNINDEX



### TOP CỔ PHIẾU NĐTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - HNXINDEX



### TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - VNINDEX



|         | ACB   | STB  | SHB  | FPT  | VIX  |
|---------|-------|------|------|------|------|
| %DoD    | 5.0%  | 3.2% | 0.7% | 1.1% | 1.5% |
| Giá trị | 1,273 | 597  | 581  | 573  | 413  |

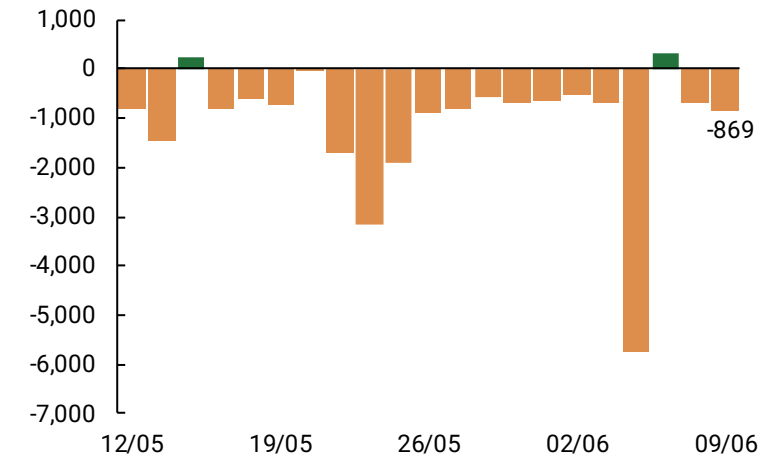
### TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) VNINDEX



|         | SSB  | FPT  | VHM   | VPB  | MWG  |
|---------|------|------|-------|------|------|
| %DoD    | 0.3% | 1.1% | -0.5% | 1.2% | 1.3% |
| Giá trị | 435  | 251  | 166   | 132  | 118  |

## BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

### GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI VNINDEX (Tỷ VND)



### TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - HNXINDEX



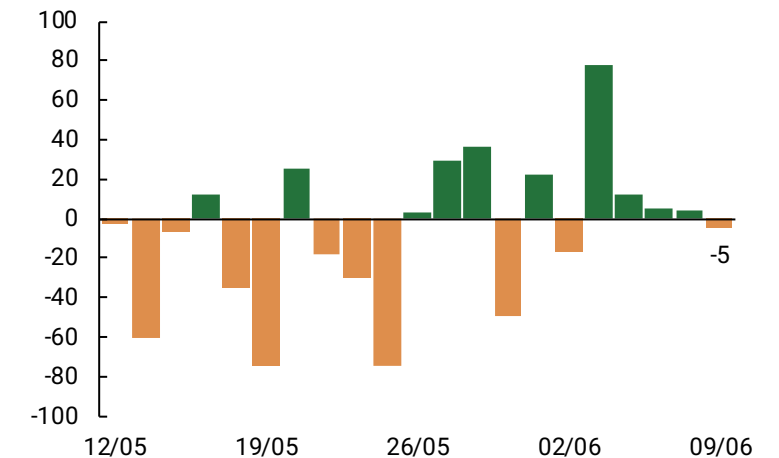
|         | SHS  | MBS   | PVS  | CEO  | IDC  |
|---------|------|-------|------|------|------|
| %DoD    | 0.0% | -0.5% | 0.0% | 1.4% | 0.0% |
| Giá trị | 125  | 62    | 51   | 44   | 40   |

### TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) HNXINDEX



|         | KSF   | HUT  | TPP  | BAB  | MST  |
|---------|-------|------|------|------|------|
| %DoD    | -0.5% | 0.0% | 1.0% | 0.0% | 2.3% |
| Giá trị | 134   | 30   | 11   | 3    | 1    |

### GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI HNXINDEX (Tỷ VND)





### Góc nhìn kỹ thuật VNINDEX

- ✓ Nến Hammer, vol dưới mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1750 | 1800.
- ✓ Kháng cự: 1850 | 1900.
- ✓ MACD cắt xuống đường tín hiệu, RSI dưới ngưỡng trung bình.
- ✓ Xu hướng: Điều chỉnh.

**Kịch bản:** VN-Index vẫn chưa thể lấy lại mốc tâm lý 1800 điểm trong bối cảnh thanh khoản duy trì ở mức thấp, phản ánh lực cầu bắt đáy còn khá thận trọng. Các nhịp hồi hiện tại chủ yếu mang tính kỹ thuật. Nếu thanh khoản không cải thiện, áp lực điều chỉnh có khả năng quay lại chi phối và mở rộng đà giảm về khu vực 1750 – 1760 điểm, nơi hỗ trợ kỹ thuật mới thực sự phát huy vai trò nâng đỡ tốt.



### Góc nhìn kỹ thuật VN30

- ✓ Nến giảm Hammer, vol dưới mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1900 | 1960.
- ✓ Kháng cự: 2000 | 2060.
- ✓ MACD cắt xuống đường tín hiệu, RSI dưới ngưỡng trung bình.
- ✓ Xu hướng: Điều chỉnh.

**Kịch bản:** Chỉ số đánh mất ngưỡng 1960 điểm, gia tăng khả năng lùi về mốc hỗ trợ thấp hơn quanh vùng tâm lý 1900 điểm. Khu vực 1960 – 1980 điểm sau khi bị xuyên thủng sẽ hoá đổi vai trò trở thành kháng cự gần trong ngắn hạn. Đà phục hồi chỉ thực sự được củng cố khi VN30 bút phá trở lại trên vùng này.

| STOCK    |                         | STRATEGY     | Technical      |                  | Financial Ratio |        |
|----------|-------------------------|--------------|----------------|------------------|-----------------|--------|
| Ticker   | <b>GMD</b>              | <b>WATCH</b> | Current price  | <b>76.00</b>     | P/E (x)         | 17.1   |
| Exchange | HOSE                    |              | Watch zone     | <b>74 - 74.6</b> | P/B (x)         | 2.4    |
| Sector   | Transportation Services |              | Target price   | 82               | EPS             | 4457.4 |
|          |                         |              | Cut loss price | 70.5             | ROE             | 14.6%  |
|          |                         |              |                | Stock Rating     | A               |        |
|          |                         |              |                | Scale Market Cap | Medium          |        |



## TÍN HIỆU KỸ THUẬT

- Giá kiểm định tốt MA20 ngày và có trạng thái tích lũy nền giá mới.
  - MACD cắt lên đường tín hiệu cùng với RSI cải thiện lên trên ngưỡng trung bình, hàm ý động lượng tăng phục hồi.
  - Thanh khoản tăng cho thấy dòng tiền quay trở lại.
- ➔ Xu hướng điều chỉnh yếu dần và có thể tiếp tục quán tính tăng.
- ➔ Khuyến nghị Theo dõi, quan sát khi giá kiểm định lại khu vực 74 – 74.6.

### Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

| STT | Mã CK      | Khuyến nghị | Ngày khuyến nghị | Giá hiện tại | Giá hành động | LN/Lỗ thực hiện | Giá mục tiêu | LN kỳ vọng | Giá cắt lỗ | Rủi ro giảm | Ghi chú |
|-----|------------|-------------|------------------|--------------|---------------|-----------------|--------------|------------|------------|-------------|---------|
| 1   | <b>GMD</b> | Theo dõi    | 10/06/2026       | 76           | 74 - 74.6     | -               | 82           | 10.4%      | 70.5       | -5.1%       |         |

### Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị

| STT | Mã CK      | Khuyến nghị | Ngày khuyến nghị | Ngày cập nhật khuyến nghị | Giá hiện tại | Giá thực hiện | LN/Lỗ hiện tại | Giá mục tiêu | LN kỳ vọng | Giá cắt lỗ | Rủi ro giảm | Ghi chú |
|-----|------------|-------------|------------------|---------------------------|--------------|---------------|----------------|--------------|------------|------------|-------------|---------|
| 1   | <b>MBB</b> | Mua         | 05/05/2026       | -                         | 24.65        | 25.9 - 26.1   | <b>-5.2%</b>   | 29           | 11.5%      | 24.4       | -6.2%       |         |
| 2   | <b>SAB</b> | Mua         | 22/05/2026       | -                         | 47.2         | 47.8 - 48.2   | <b>-1.8%</b>   | 53           | 10.4%      | 45.5       | -5.2%       |         |
| 3   | <b>VCB</b> | Mua         | 28/05/2026       | -                         | 61.5         | 63 - 63.5     | <b>-2.8%</b>   | 70           | 10.7%      | 60         | -5.1%       |         |
| 4   | <b>VAB</b> | Mua         | 04/06/2026       | -                         | 10.7         | 10.45 - 10.6  | <b>1.2%</b>    | 11.6         | 10.2%      | 10         | -5.0%       |         |



### Tín hiệu kỹ thuật

- **Hợp đồng VN30F1M** đóng cửa tại 1950.5, tăng 13.5 điểm (+0.7%). Giá nỗ lực phục hồi trong phần lớn thời gian giao dịch, dù vậy, cung bán có phần lấn át cuối phiên.
- **Ở đồ thị 1 giờ**, chỉ báo RSI phục hồi từ mức quá bán, cùng với MACD thu hẹp với đường signal, củng cố cho động lượng phục hồi. Dù vậy, xu hướng lớn vẫn nghiêng về giảm, phản ứng bật tăng mang tính phục hồi kỹ thuật. Vị thế Long chỉ nên cân nhắc khi giá củng cố được trên ngưỡng 1962. Vị thế Short cân nhắc khi giá lùi về dưới ngưỡng 1945.
- **Hợp đồng VN100F1M** đóng cửa tại 1870.1, giảm 8.4 điểm (-0.5%). Độ lệch basis 1.5 điểm (thấp hơn VN100 cơ sở). Khối lượng khớp lệnh giảm, đạt 27 HĐ. Hỗ trợ gần quanh khu vực 1860 điểm, trong khi kháng cự là ngưỡng 1885 điểm.

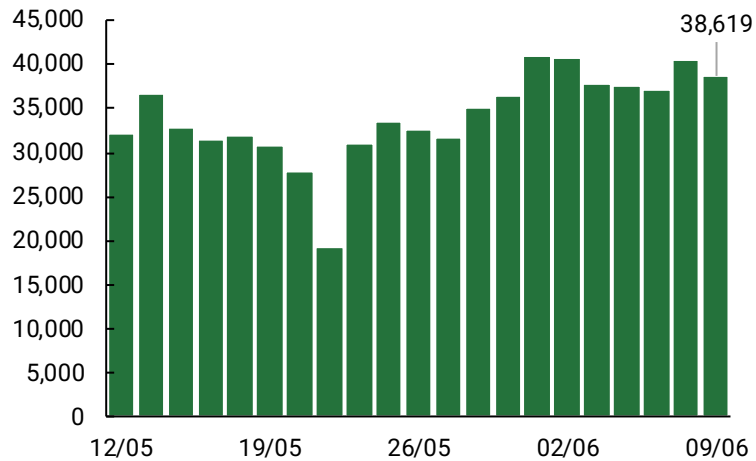
### Chiến lược giao dịch trong ngày

| Vị thế | Điểm vào | Chốt lời | Cắt lỗ | Lợi nhuận/Rủi ro |
|--------|----------|----------|--------|------------------|
| Long   | > 1962   | 1975     | 1954   | 13 : 8           |
| Short  | < 1945   | 1932     | 1953   | 13 : 8           |

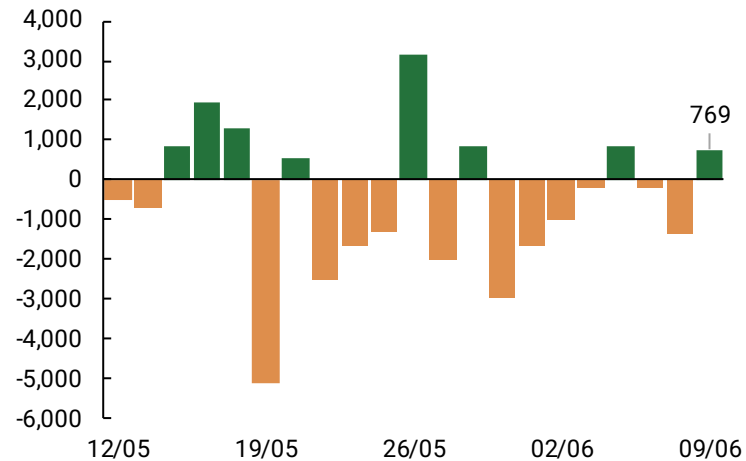
### Thông kê hợp đồng tương lai

| Mã hợp đồng | Giá đóng cửa | Thay đổi (điểm) | KL giao dịch | KL Mở  | Giá lý thuyết | Chênh lệch | Ngày thanh toán | Thời hạn còn lại (ngày) |
|-------------|--------------|-----------------|--------------|--------|---------------|------------|-----------------|-------------------------|
| 4111GC000   | 1,949.3      | -0.1            | 18           | 178    | 1,967.4       | -18.1      | 17/12/2026      | 191                     |
| 4111G9000   | 1,950.7      | 12.2            | 30           | 516    | 1,960.0       | -9.3       | 17/09/2026      | 100                     |
| 4111G7000   | 1,949.0      | 11.1            | 408          | 1,363  | 1,954.9       | -5.9       | 16/07/2026      | 37                      |
| 4111G6000   | 1,950.5      | 13.5            | 186,066      | 38,619 | 1,952.6       | -2.1       | 18/06/2026      | 9                       |
| 4112G6000   | 1,870.1      | -8.4            | 27           | 40     | 1,872.2       | -2.1       | 18/06/2026      | 9                       |

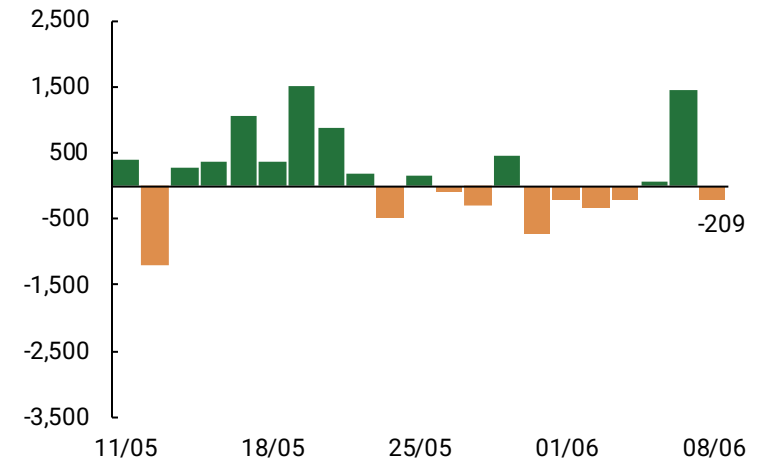
Khối lượng mở (Open interest)



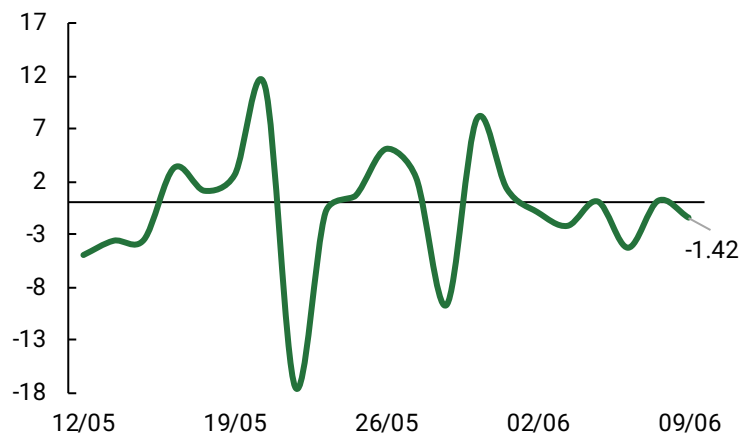
Khối lượng giao dịch ròng của khối ngoại  
(Hợp đồng)



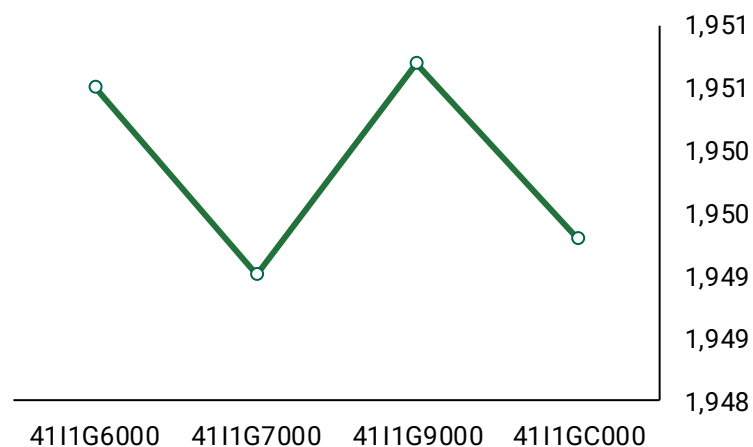
Khối lượng giao dịch ròng của tự doanh  
(Hợp đồng)



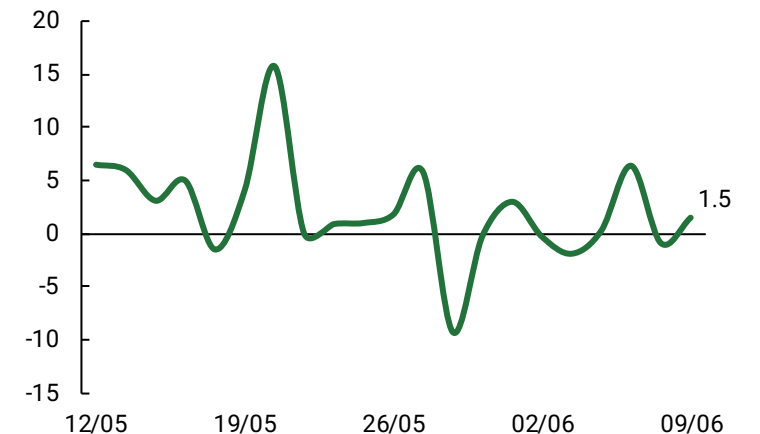
Basis hợp đồng tương lai



Đường cong hợp đồng tương lai



VN30F1M - VN30F2M



- 01/06 Việt Nam, Mỹ - Chỉ số PMI
- 03/06 Việt Nam – Dữ liệu kinh tế vĩ mô tháng 5 và 5 tháng đầu năm
- 05/06 Mỹ - Tỷ lệ thất nghiệp, Bảng lương phi nông nghiệp
- 10/06 Mỹ - Chỉ số CPI  
Trung Quốc - Chỉ số CPI, PPI
- 11/06 Mỹ - Chỉ số PPI
- 13/06 Việt Nam - VNM ETF công bố danh mục
- 16/06 Trung Quốc - Sản xuất công nghiệp, Doanh số bán lẻ  
Nhật Bản – BoJ công bố lãi suất
- 17/06 Mỹ - Doanh số bán lẻ
- 18/06 Việt Nam - Đáo hạn hợp đồng phái sinh  
Mỹ - FED công bố lãi suất  
Anh - BoE công bố lãi suất
- 24/06 Việt Nam - MSCI công bố kết quả xếp hạng thị trường
- 25/06 Mỹ - Chỉ số PCE, dữ liệu GDP sau cùng

### THÔNG TIN VĨ MÔ

**Iran tuyên bố dừng tấn công Israel, nhưng rủi ro tại eo biển Hormuz vẫn chưa hạ nhiệt:** Iran cho biết sẽ đình chỉ các hoạt động quân sự nhằm vào Israel, song cảnh báo có thể nối lại tấn công nếu Israel tiếp tục khai hỏa. Cùng lúc, EU được cho là đang xem xét mở rộng sứ mệnh hải quân sang eo biển Hormuz nhằm đảm bảo an ninh hàng hải. Điều này cho thấy rủi ro địa chính trị tại Trung Đông vẫn ở mức cao, đặc biệt với thị trường dầu khí và vận tải biển quốc tế.

**Ông Trump cho rằng Fed sẽ sai lầm nếu tăng lãi suất:** Trước thềm cuộc họp chính sách ngày 16–17/6, Tổng thống Donald Trump cho rằng Fed không nên tăng lãi suất và thậm chí nên cân nhắc giảm lãi suất. Quan điểm này xuất hiện trong bối cảnh báo cáo việc làm Mỹ vượt dự báo, khiến thị trường gia tăng kỳ vọng Fed có thể nâng lãi suất thêm 0.25 điểm phần trăm vào cuối năm. Áp lực chính trị lên Fed vì vậy có thể làm gia tăng biến động trên thị trường trái phiếu, đồng USD và nhóm tài sản rủi ro.

### THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

**NVL - Lâm Đồng gỡ vướng cho 7 dự án của Novaland:** UBND tỉnh Lâm Đồng đã làm việc với Tập đoàn Novaland để tháo gỡ các vướng mắc pháp lý của 7 dự án bất động sản thuộc hệ sinh thái công ty tại các phường Tiến Thành, Mũi Né và xã Hòa Thắng. Việc này giúp khơi thông vốn đầu tư, đẩy nhanh tiến độ triển khai; dự án nghỉ dưỡng Hòn Giò đã hoàn thiện 122/130 công trình, một số khu biệt thự đạt mức hoàn thiện 88-95% và đã đưa vào khai thác. Mặc dù còn khó khăn trong điều chỉnh mục tiêu đầu tư do thời gian gia hạn đất hết, nhưng sự can thiệp của chính quyền được xem là tín hiệu tích cực cho Novaland.

**FPT - Hợp tác NVIDIA phát hành tập dữ liệu Nemotron Personas Việt Nam:** FPT và NVIDIA công bố phát hành Nemotron-Personas-Vietnam, tập dữ liệu mở nhằm hỗ trợ phát triển AI chủ quyền tại Việt Nam và mở rộng ra khu vực Đông Nam Á. Bộ dữ liệu gồm khoảng 900,000 persona tổng hợp, phản ánh các yếu tố dân số, khu vực sinh sống, nghề nghiệp và bối cảnh lao động của người Việt. Đây là bước đi củng cố năng lực AI bản địa của FPT, đồng thời hỗ trợ các nhà phát triển xây dựng ứng dụng AI phù hợp hơn với ngôn ngữ, văn hóa và đặc điểm nhân khẩu học Việt Nam.

**TV3 - Bắt Chủ tịch, Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng:** Ngày 08/06, công ty nhận được thông báo từ Cơ quan Cảnh sát Điều tra (CSĐT) Bộ Công an về việc bắt tạm giam với 3 lãnh đạo cấp cao, gồm Chủ tịch HĐQT Nguyễn Như Hoàng Tuấn, Tổng Giám đốc Lạc Thái Phước và Kế toán trưởng Phạm Hoàng Vinh. TV3 cho biết hiện tại, hoạt động của Công ty vẫn đang được tổ chức và triển khai theo quy định của pháp luật.

**VinFast ghi nhận doanh thu quý 1/2026 tăng gần 42%:** VinFast ghi nhận doanh thu quý 1/2026 đạt 23,111 tỷ đồng, tăng 41.7% so với cùng kỳ, chủ yếu nhờ doanh số xe điện tại Việt Nam tăng mạnh và đóng góp từ các thị trường quốc tế. Trong quý, công ty bàn giao 58,577 ô tô điện, tăng 61% YoY; các thị trường quốc tế đóng góp khoảng 8% tổng lượng xe bàn giao. Bên cạnh đó, mảng xe máy điện và xe đạp điện cũng tăng trưởng mạnh với 143,136 xe bàn giao, cho thấy nhu cầu phương tiện xanh tiếp tục mở rộng.

| Mã CK | Thị giá | Giá hợp lý * | Upside/<br>Downside | Khuyến nghị   |
|-------|---------|--------------|---------------------|---------------|
| BCM   | 52,900  | 73,400       | 38.8%               | Mua           |
| CTG   | 33,400  | 45,200       | 35.3%               | Mua           |
| CTD   | 71,700  | 82,900       | 15.6%               | Tăng tỷ trọng |
| DBD   | 50,300  | 68,000       | 35.2%               | Mua           |
| DDV   | 25,690  | 35,900       | 39.7%               | Mua           |
| DGW   | 38,950  | 47,500       | 22.0%               | Mua           |
| DPG   | 39,300  | 42,900       | 9.2%                | Nắm giữ       |
| DPR   | 40,400  | 46,500       | 15.1%               | Tăng tỷ trọng |
| DRI   | 14,019  | 17,200       | 22.7%               | Mua           |
| EVF   | 13,600  | 14,400       | 5.9%                | Nắm giữ       |
| FRT   | 122,400 | 157,600      | 28.8%               | Mua           |
| GMD   | 76,000  | 92,700       | 22.0%               | Mua           |
| HAH   | 53,700  | 60,300       | 12.3%               | Tăng tỷ trọng |
| HDG   | 20,750  | 30,900       | 48.9%               | Mua           |
| HHV   | 11,350  | 12,300       | 8.4%                | Nắm giữ       |
| HPG   | 23,550  | 30,700       | 30.4%               | Mua           |
| IMP   | 46,000  | 55,000       | 19.6%               | Tăng tỷ trọng |
| KDH   | 23,700  | 38,800       | 63.7%               | Mua           |
| MCH   | 130,000 | 177,200      | 36.3%               | Mua           |
| MWG   | 77,400  | 115,600      | 49.4%               | Mua           |

| Mã CK | Thị giá | Giá hợp lý * | Upside/<br>Downside | Khuyến nghị   |
|-------|---------|--------------|---------------------|---------------|
| MBB   | 24,650  | 34,000       | 37.9%               | Mua           |
| NLG   | 25,800  | 39,900       | 54.7%               | Mua           |
| NT2   | 22,250  | 27,700       | 24.5%               | Mua           |
| PHR   | 63,000  | 72,800       | 15.6%               | Tăng tỷ trọng |
| PNJ   | 64,800  | 75,500       | 16.5%               | Tăng tỷ trọng |
| PVS   | 38,000  | 39,900       | 5.0%                | Nắm giữ       |
| PVT   | 20,000  | 18,900       | -5.5%               | Giảm tỷ trọng |
| POW   | 13,650  | 15,000       | 9.9%                | Nắm giữ       |
| SAB   | 47,150  | 57,900       | 22.8%               | Mua           |
| SSI   | 26,500  | 32,100       | 21.1%               | Mua           |
| TLG   | 48,400  | 50,900       | 5.2%                | Nắm giữ       |
| TCB   | 30,900  | 41,700       | 35.0%               | Mua           |
| TCM   | 20,450  | 35,300       | 72.6%               | Mua           |
| TRC   | 76,000  | 94,800       | 24.7%               | Mua           |
| VCB   | 61,500  | 84,200       | 36.9%               | Mua           |
| VPB   | 25,900  | 36,500       | 40.9%               | Mua           |
| VCG   | 19,350  | 26,200       | 35.4%               | Mua           |
| VHC   | 57,100  | 60,000       | 5.1%                | Nắm giữ       |
| VNM   | 58,300  | 66,650       | 14.3%               | Tăng tỷ trọng |

\* Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

### **Đảm bảo phân tích**

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

### **Miễn trừ trách nhiệm**

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó

### **© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)**

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, phường Tân Phú, quận 7, Tp.HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479

Fax: (+84-28) 5 413 5472

Hỗ trợ khách hàng: 1900 25 23 58

Hỗ trợ đặt lệnh: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

### **Chi nhánh Quận 1**

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

### **Chi nhánh Quận 3**

Tầng 4, D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

### **Chi nhánh Tân Bình**

Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp.HCM

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

### **Chi nhánh Thanh Xuân**

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

### **Chi nhánh Hải Phòng**

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801